

QUAN HỆ KINH TẾ GIỮA HAI BỜ EO BIỂN ĐÀI LOAN TRONG 10 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

TRƯƠNG HOÀNG THUYỀN VÂN
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Mối quan hệ giữa Trung Quốc Đại lục và Đài Loan luôn được giới nghiên cứu, quan sát coi là mối quan hệ nhạy cảm, đầy kịch tính và khó dự đoán. Từ xung đột và đối đầu quân sự kéo dài trong suốt thời gian 1949- 1978 dần chuyển sang hình thành mối quan hệ tương đối bình lặng với việc gia tăng quan hệ hợp tác kinh tế, trao đổi thương mại. Quan hệ giữa hai bờ eo biển trong thập niên đầu thế kỷ XXI đang có những chuyển biến tích cực; xu hướng hòa bình, hợp tác phát triển thay thế cho mối quan hệ căng thẳng trước đây. Sự cải thiện rõ rệt trong quan hệ giữa hai bờ đã và đang góp phần quan trọng vào việc tăng cường hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển trong khu vực. Bài viết sẽ tập trung phân tích những nét cơ bản nhất trong quan hệ kinh tế giữa hai bờ trong 10 năm đầu thế kỷ XXI.

1. Giai đoạn đảng Dân Tiến cầm quyền

1.1. Về hoạt động đầu tư

Bước sang thế kỷ 21, chính sách đầu tư của Đài Loan vào Trung Quốc Đại lục đã dần dần trở nên thông thoáng, mở cửa hơn so với việc hạn chế một cách quá chặt chẽ trong giai đoạn trước đây. Tại hội nghị “*Tư vấn phát triển kinh tế*” được tổ chức tại Đài Loan vào ngày 26/08/2001, Đài Loan xác định chính sách phát triển kinh tế đối ngoại của mình dựa trên nguyên tắc “*Ưu tiên Đài Loan, bố cục toàn cầu, đôi bên cùng có lợi, quản lý rủi ro*”. Trên cơ sở nguyên tắc đó, chính sách đầu tư vào Trung Quốc Đại lục đã chuyển từ chính sách “*không vội vàng, hãy kiên nhẫn*” sang chính sách “*mở cửa có tính chiến lược, bố cục toàn cầu*”, cụ thể như sau: 1/ Định kỳ kiểm tra, nói lỏng các hạng mục đầu tư sản xuất và sản phẩm đối với các nhóm

ngành sản xuất. 2/ Nới lỏng hạn chế vốn đầu tư vào Trung Quốc Đại lục, thành lập cơ chế quản lý rủi ro. 3/ Hoàn thiện cơ chế sát hạch, báo cáo tài chính đầu tư Trung Quốc Đại lục và tăng cường minh bạch hoá thông tin. 4/ Trên cơ sở thiết lập các biện pháp đồng bộ và đảm bảo an toàn đầu tư, mở cửa tạo điều kiện để các doanh nghiệp Đà Loan có thể đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc Đại lục. 5/ Phối hợp điều chỉnh chính sách đầu tư vào Trung Quốc Đại lục, cho phép các doanh nghiệp, nhà đầu tư chưa qua thẩm định được phép đăng ký đầu tư vào Trung Quốc Đại lục. 6/ Kien toàn hệ thống hướng dẫn doanh nghiệp Đà Loan đầu tư vào Trung Quốc Đại lục, tích cực hỗ trợ giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp Đà Loan đầu tư vào Trung Quốc Đại lục. 7/ Thúc đẩy ký kết Hiệp định đảm bảo đầu tư hai bờ và Hiệp định thuế thu hai bờ.⁽¹⁾

Trong chiến lược mở rộng giao dịch tài chính tiền tệ giữa hai bờ eo biển, phương hướng chính sách của Đà Loan là dần dần tạo sự tự do hoá cho tài chính tiền tệ hai bờ, tạo điều kiện để nó có thể lưu thông một cách bình thường. Nhằm tránh tình trạng chỉ đầu tư đơn hướng trong giai đoạn dài, chính quyền Đà Loan đã lựa chọn cách làm như sau:

Một là, cho phép các chi nhánh ngân hàng tài chính quốc tế (OBU) và cơ quan tài chính của Trung Quốc Đại lục trực tiếp giao dịch, thực hiện từ ngày 16/11/2000 đến ngày 02/08/2001, đồng thời mở rộng cho phép OBU tiến hành nghiệp vụ thực

thu các khoản nợ phải thu và chứng từ tín dụng liên quan, đồng thời cũng mở rộng cho các ngân hàng chỉ định nội ngoại hối (DBU) trực tiếp lưu thông tiền tệ với cơ quan tài chính tiền tệ của Trung Quốc Đại lục.

Hai là, mở rộng tạo điều kiện cho các cơ quan tài chính tiền tệ Đà Loan thành lập các cơ quan chi nhánh tại Trung Quốc Đại lục, đã triển khai cho các ngân hàng được thiết lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Trung Quốc Đại lục, ngày 02/08/2001 tiếp tục mở rộng để ngành dịch vụ bảo hiểm được thiết lập công ty con hay chi nhánh tại Trung Quốc Đại lục.

Ba là, hoàn thành đánh giá khả thi về việc thành lập thị trường vốn bên ngoài Đà Loan, có thể cải thiện việc huy động vốn cho các doanh nghiệp Đà Loan đầu tư vào Trung Quốc hỗ trợ cho phương thức chế độ hiện hành, bao gồm khuyến khích các giao dịch mới xuất hiện và mở rộng điều kiện phát hành điện chuyển tiền (TDR).

Để tạo những điều kiện thuận lợi cho chính sách “mở cửa có tính chiến lược, bố cục toàn cầu” đạt hiệu quả cao, chính quyền Đà Loan đã tiến hành áp dụng biện pháp “tích cực mở cửa, quản lý hiệu quả” với những nội dung cụ thể như:

Về mặt tích cực mở cửa: Một là, huỷ bỏ các hạn chế đầu tư về mặt sản xuất công nghiệp trên quy mô lớn, chỉ tính riêng bộ phận sản phẩm công nông nghiệp cũng đã mở cửa được hơn 8.163 hạng mục, đạt 93,82%. Ngày 12/08 đã ban hành các hạng mục kinh doanh

và ngành nghề dịch vụ, trong đó ngành dịch vụ được liệt vào danh sách 68 ngành nghề có bảo hiểm. *Hai là*, huỷ bỏ giới hạn 50 triệu USD, tạo điều kiện đầu tư quy mô lớn. *Ba là*, xóa bỏ hoàn toàn việc quản lý nghiêm ngặt đối với đầu tư hạn ngạch nhỏ, những hạng mục đầu tư có trị giá dưới 20 triệu USD được lựa chọn chế độ tự thẩm định còn những hạng mục đầu tư trên 20 triệu USD thì mới phải thông qua các cơ quan chức năng thẩm định, cơ chế thẩm định đầu tư mới này được chính thức khởi động từ tháng 5-2001.

Về mặt quản lý hiệu quả, quy định được sửa lại nêu rõ kể từ ngày 01/07/2001 sẽ cho phép các doanh nghiệp Đài Loan chưa qua thẩm định được đầu tư vào Trung Quốc Đại lục có thể đăng ký bổ sung, tạo

điều kiện thuận lợi cho việc minh bạch hoá đầu tư.

Tại điều 122 trong *Thông báo của Bộ Kinh tế Đài Loan* ngày 30/11/2001, đã bước đầu cho phép đầu tư vào các hạng mục sản phẩm có giá trị phụ trội cao như: điện tử tiêu dùng và thông tin, phần cứng sản phẩm công nghệ thông tin. Với mục đích bảo hộ nông nghiệp trong nước, chính quyền Đài Loan đã tăng cường những hạn chế đối với các hạng mục đầu tư vào nông nghiệp. Nếu như số lượng các hạng mục nông nghiệp bị cấm đầu tư vào Trung Quốc Đại lục trước đây chỉ là 16 thì nay tăng lên con số 436; 75 hạng mục được cho phép trước đây giờ cũng chuyển thành hạng mục bị cấm⁽²⁾ (xem bảng 1).

**Bảng 1: ĐẦU TƯ CỦA ĐÀI LOAN VÀO ĐẠI LỤC 10 NĂM ĐẦU THẾ KỶ 21
(PHÂN THEO MỘT SỐ NGÀNH CHỦ YẾU)**

Đơn vị: triệu đô la Mỹ

Năm	Tổng kim ngạch	Chế phẩm nhựa	Chế phẩm phi kim loại	Chế tạo kim loại cơ bản	Chế tạo thiết bị máy	Sản phẩm điện tử, máy tính, quang học	Linh kiện điện tử	Chế tạo thiết bị điện	Bán buôn bán lẻ
2001	2.784,1	152,4	106,9	42,1	130,4	492,9	600,6	265,1	117,2
2002	6.723,1	390,1	214,8	79,0	286,2	1.062,7	1.087,5	629,7	147,0
2003	7.698,8	389,2	451,4	159,9	328,1	976,5	815,8	742,1	175,4
2004	6.940,6	260,1	421,3	76,3	213,7	1.139,9	1482,2	593,2	183,1
2005	6.006,9	249,5	179,6	91,7	352,9	1.243,5	850,1	560,7	274,
2006	7.642,3	219,7	386,8	177,9	214,7	1.472,1	1618,6	664,7	312,8
2007	9.970,5	583,7	231,5	517,9	504,2	1.688,4	2.426,3	1.047,0	411,9
2008	10.691,4	496,5	223,7	728,1	473,6	1.783,3	2.051,9	1.065,8	499,1
2009	7.142,6	360,9	194,1	94,0	394,5	1.019,4	1.801,3	462,7	743,2
2010	14.617,9	415,1	791,7	336,9	502,7	1.235,4	4.854,4	682,8	1.115,5

Nguồn: Tổng hợp từ các số liệu của Cục Thống kê - Bộ Kinh tế Đài Loan

1.2. Về hoạt động thương mại

Nếu như kim ngạch mậu dịch giữa Đại lục và Đài Loan đạt mức kỷ lục 30 tỷ USD vào năm 2000 thì liên tiếp ở các năm sau đó mức kỷ lục này đã bị phá vỡ. Tính đến năm 2007, Đài Loan đã trở thành đối tác giao dịch lớn thứ 7, thị trường xuất khẩu lớn thứ 9, khu vực nhập khẩu lớn thứ 5 của Trung Quốc. Tương tự Trung Quốc đã trở thành đối tác giao dịch lớn nhất của Đài Loan và là khu vực thị trường xuất siêu của Đài Loan, trở thành trụ cột vững chắc thúc đẩy kinh tế Đài Loan phát triển.

Xét từ góc độ phân bố khu vực mậu dịch của Trung Quốc với Đài Loan: Khu vực phía Đông đặc biệt là 4 tỉnh thành ven biển là Quảng Đông, Tô Châu, Phúc Kiến, Thượng Hải là những khu vực tập trung thương mại lớn nhất. 4 tỉnh thành trên có kim ngạch nhập khẩu từ Đài Loan luôn cao hơn so với các địa phương khác của Trung Quốc (chỉ riêng 4 tỉnh thành ven biển này, kim ngạch xuất khẩu vào Đài Loan và kim ngạch nhập khẩu từ Đài Loan đã chiếm hơn 4/5 tổng kim ngạch mậu dịch của Trung Quốc với Đài Loan). Theo thống kê năm 2007, tổng kim ngạch mậu dịch của khu vực phía Đông với Đài Loan đạt 120,47 tỷ USD, chiếm tới 96,8% tổng kim ngạch mậu dịch giữa hai bờ.

Xét từ góc độ cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu hai bờ: Các sản phẩm Trung Quốc nhập khẩu từ Đài Loan chủ yếu bao gồm các sản phẩm máy móc cơ điện, chế phẩm nhựa cao su, mặt hàng dệt may và sản phẩm kim loại. Song song với đó, tỷ trọng các sản phẩm công nghệ cao và các sản phẩm cơ điện trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai bờ cũng không

ngừng tăng cao. Trong năm 2007, tỷ trọng sản phẩm cơ điện và sản phẩm công nghệ cao mới mà Trung Quốc nhập khẩu từ Đài Loan lần lượt chiếm 68,9% và 41,1% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Đài Loan của Trung Quốc Đại lục. Tỷ trọng các mặt hàng cơ điện và sản phẩm công nghệ cao mới của Trung Quốc xuất khẩu vào Đài Loan lần lượt chiếm 59,3% và 31,3% tổng kim ngạch xuất khẩu vào Đài Loan của Trung Quốc.⁽³⁾

2. Giai đoạn Quốc Dân đảng cầm quyền

Tháng 5/2008, Quốc Dân đảng trở lại nắm quyền, đã đánh dấu một sự thay đổi lớn trong quan hệ kinh tế giữa hai bờ. Với chủ trương “không thống nhất, không dùng vũ lực, không độc lập” và cải thiện quan hệ hai bờ trên cơ sở “dễ trước, khó sau”; “kinh tế trước, chính trị sau”, từng bước tích lũy kinh nghiệm xây dựng lòng tin giữa hai bên tiến tới bình thường hóa tiếp xúc quan phương của Tổng thống Đài Loan Mã Anh Cửu, việc khôi phục lại đàm phán sau gần 10 năm gián đoạn (bị dừng từ năm 1999) giữa Hiệp hội quan hệ hai bờ Eo biển Đài Loan (ARATS) của Trung Quốc Đại lục và Quỹ Giao lưu hai bờ Eo biển (SEF) của Đài Loan đã được nối lại. Ngày 4 đến ngày 6/11/2008 tại thành phố Đài Bắc, ARATS và SEF đã ký kết 4 hiệp định về vận tải đường không, đường biển, bưu chính và an toàn thực phẩm; tiếp đó ngày 15/12/2008 triển khai “tam thông” giữa hai bờ eo biển Đài Loan. Đặc biệt, sau nhiều lần đàm phán, Hiệp định khung hợp tác kinh tế hai bờ (ECFA) chính thức được ký kết tại Trùng Khánh Trung Quốc, điều

này chính thức mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ kinh tế giữa hai bờ.

2.1. Đầu tư của Đài Loan vào Đại lục

Trong giai đoạn từ năm 2008 đến nay đầu tư của thương gia Đài Loan vào Trung Quốc Đại lục có mấy đặc điểm chính như sau:

Về khu vực đầu tư, đang có sự chuyển hướng dần vào nội địa Trung Quốc: khu vực miền Trung, miền Tây và miền Bắc. Chuyển dần các khu vực đầu tư chính trước đây ở Quảng Đông, Phúc Kiến, Thượng Hải sang Tô Châu, Thiên Tân,

Thanh Đảo, khu vực kinh tế vịnh Bột Hải, các thành phố tuyến hai và ba do Trung Quốc tập trung phát triển các khu vực kinh tế (xem thêm bảng 2). Nguyên nhân của sự chuyển hướng này là do giá thành sản xuất tăng ở khu vực ven biển và áp lực kinh doanh tăng mạnh, thêm vào đó khu kinh tế vịnh Bột Hải cũng phát triển nhanh tạo ra xu thế “Tây tiến” của các thương gia Đài Loan. Ngoài ra thương gia Đài Loan cũng tích cực đầu tư hướng tới khu vực kinh tế thứ ba nhằm đa dạng hóa kinh doanh, mở rộng thêm nhiều kênh tiêu thụ nội địa.

**Bảng 2: ĐẦU TƯ CỦA ĐÀI LOAN VÀO ĐẠI LỤC 10 NĂM ĐẦU THẾ KỶ 21
(PHÂN THEO KHU VỰC ĐẦU TƯ)**

Đơn vị: triệu đô la Mỹ

Năm	Tổng kim ngạch	Khu vực Hoa Bắc			Khu vực Hoa Đông				Khu vực Trung Nam	
		TS	Bắc Kinh	Thiên Tân	TS	Thượng Hải	Giang Tô	Phúc Kiến	TS	Quảng Đông
2001	2.784,1	125,3	86,9	37,0	1.785,9	376,2	1.046,3	120,1	827,6	788,0
2002	6.723,1	278,3	144,3	89,4	4.575,4	949,2	2.223,1	750,0	1.734,8	1.635,1
2003	7.698,8	294,4	113,2	159,1	4.997,5	1.104,3	2.601,1	491,8	2.242,4	2.054,5
2004	6.940,6	196,5	65,2	84,6	4.993,8	1.175,0	2.486,8	452,8	1.594,8	1.404,1
2005	6.006,9	214,3	63,5	118,2	4.416,6	1.017,5	2.349,1	398,3	1.290,1	1.220,2
2006	7.642,3	360,8	164,0	113,3	5.215,7	1.041,8	2.887,2	519,9	1.501,1	1.415,2
2007	9.970,5	639,6	146,8	155,8	6.746,1	1.440,2	3.841,9	388,4	2.330,4	1.978,5
2008	10.691,4	685	161,9	163,6	7.712,7	1.704,1	4.229,1	808,5	1.917,7	1.504,6
2009	7.142,6	518,9	187,5	176,9	4.895,4	955,0	2.746,	262,5	1.431,6	1.282,2
2010	14.617,9	722,7	177,9	278,1	9.732,6	1.961,3	5.501,8	881,6	3.018,8	2.618,9

Nguồn: Tổng hợp từ cơ sở dữ liệu cục Thống kê Bộ Kinh tế Đài Loan

Về lĩnh vực đầu tư, đã có sự dịch chuyển khá rõ nét. Các thương gia Đài Loan chuyển từ khu vực gia công chế tạo tập trung nhiều lao động, giá thành thấp sang khu vực có hàm lượng kỹ thuật cao như: điện tử, thiết bị, kim loại thô và các chế phẩm kim loại, hóa chất, máy móc,

thiết bị tinh xảo v.v... hiện nay đang dần chuyển sang lĩnh vực dịch vụ.

Sự chuyển hướng mới trong đầu tư, kể từ sau khi quan hệ kinh tế hai bờ có những chuyển biến tích cực, thời gian gần đây, các nhà đầu tư Đài Loan đang có xu hướng chuyển đầu tư về đảo Đài Loan.

Điển hình như tập đoàn Hồng Hải với “kế hoạch đại đầu tư Đài Loan” trị giá khoảng 100 tỷ Đài tệ.

2.2. Đầu tư của Đại lục vào Đài Loan

Trước năm 2008, Đài Loan luôn cấm các công ty, doanh nghiệp của Trung Quốc đầu tư vào Đài Loan, điều đó đã tạo ra cục diện “Giao thương đơn hướng” trong mối quan hệ kinh tế giữa hai bờ. “Giao thương đơn hướng” ở đây có thể hiểu là chỉ có các doanh nghiệp, công ty Đài Loan đầu tư vào Đại lục chứ không có doanh nghiệp Đại lục được đầu tư vào Đài Loan. Mãi cho đến tháng 5/2008 khi Mã Anh Cửu lên nắm quyền mới có chủ trương mở rộng đầu tư, cho phép các doanh nghiệp, công ty Trung Quốc được đầu tư vào Đài Loan. Sau khi có chủ trương mở rộng đầu tư này, vào tháng 6/2009 các cơ quan hữu quan Đài Loan mới bắt đầu triển khai thực lý quy trình đầu tư tại Đài Loan cũng như việc thành lập các văn phòng đại diện cho các công ty, doanh nghiệp Trung Quốc tại Đài Loan. Tính đến cuối tháng 12/2010, đã có 102 dự án đầu tư được phê chuẩn, tổng kim ngạch đầu tư của Trung Quốc vào Đài Loan chỉ đạt 131 triệu USD trong khi đầu tư của Đài Loan vào Đại lục đã vượt quá con số 10 tỷ USD⁽⁴⁾.

Đầu tư của Trung Quốc vào Đài Loan thường chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 1% so với đầu tư của Đài Loan vào Trung Quốc. Điều này ngoài nguyên nhân khách quan do Đại lục tiến hành cải cách, mở cửa chưa lâu ra, còn có nguyên nhân chủ quan khác, đó là do giới chức Đài Loan vẫn còn quá nhiều “hạn chế” trong việc xét duyệt các hạng mục đầu tư của Đại lục vào

Đài Loan. Đài Loan vẫn xét duyệt kiên trì theo nguyên tắc “thắt chặt trước, thả lỏng sau”, “sau khi có kết quả mới tiếp tục mở rộng”. Điều đó khiến cho khá nhiều dự án đầu tư của Trung Quốc gặp khó khăn. Ngoài ra, trong các phương diện khác như: mở rộng lĩnh vực ngành nghề đầu tư; hạn mức đầu tư; tỷ lệ cổ phần nắm giữ vẫn còn tồn tại những hạn chế nghiêm ngặt. Ví dụ như: đầu tư vào ngành chế tạo, căn cứ theo mức độ “mẫn cảm” phân thành 3 loại, lĩnh vực được xem là mẫn cảm nhất là lĩnh vực đầu tư khoa học công nghệ cao như chế tạo IC, panen chỉ được phép mở rộng 5 dự án. Tỷ lệ cổ phần liên doanh mà các doanh nghiệp Đại lục đầu tư vào Đài Loan không được phép vượt quá 10%. Đối với các ngành nghề có độ “mẫn cảm” tương đối thấp là phân bón, máy móc, luyện kim và các ngành nghề dùng máy móc thiết bị gia công chế tạo kim loại khác được mở rộng lên 10 dự án, tuy nhiên tỷ lệ cổ phần liên doanh của Trung Quốc không được phép vượt quá mức 20%. Đối với các doanh nghiệp mới hợp doanh thì tỷ lệ nắm giữ cổ phần của phía Trung Quốc cũng không được phép vượt quá 50%, Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Trung Quốc còn buộc phải đưa ra được chiến lược hợp tác sản xuất, đồng thời phải thông qua điều tra thẩm duyệt mới được phép đầu tư.

Sau khi Hiệp định ECFA được ký kết, quan hệ kinh tế giữa hai bờ eo biển Đài Loan đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ hơn. Tháng 2/2011, ông Trần Văn Lâm đã dẫn phái đoàn kinh tế thương mại thuộc Hiệp hội quan hệ hai bờ (ARATS) đến thăm Đài Loan nhằm thúc đẩy đối với việc đầu tư của Trung Quốc Đại lục vào Đài Loan, cùng đi với đoàn có hơn 20 đại

diện các doanh nghiệp quy mô lớn ở Đại lục bao gồm: Tập đoàn viễn dương, tập đoàn Hoa Nhuận, tập đoàn Quang Đại, xe hơi ô tô Đông Phong, đại diện các ngành nghề lĩnh vực kinh doanh vận tải, bán lẻ hàng hoá và năng lượng mới đã đến thăm các doanh nghiệp Đài Loan hoạt động trong lĩnh vực bán dẫn, linh kiện, du thuyền, hoá dẻo, vui chơi giải trí, hải cảng, kho tàng, vận tải đường biển và đường hàng không v.v... Có thể nhận thấy một điều rằng các doanh nghiệp Trung Quốc rất mong muốn đầu tư vào Đài Loan. Đến nay, Đài Loan đã tiếp tục gia tăng thêm các hạng mục được phép đầu tư cho các doanh nghiệp Trung Quốc. Đây được xem là một tín hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp Trung Quốc muốn đầu tư vào Đài Loan.⁽⁵⁾

Bên cạnh đó, hiệu ứng ECFA cũng là một trong những nhân tố quan trọng kích thích các doanh nghiệp Trung Quốc tăng mạnh đầu tư vào Đài Loan. Theo thống kê, tính đến tháng 04/2010 đã có 23 triệu USD vốn đầu tư của Đại lục chảy vào Đài Loan. Thế nhưng, chỉ một tháng sau khi Hiệp định ECFA được ký kết (6/2010), đầu tư của Đại lục vào Đài Loan đã tăng lên nhanh chóng đạt 28,5 triệu USD⁽⁶⁾. Nguyên nhân là vì doanh nghiệp Trung Quốc được hưởng những ưu đãi đặc biệt về thuế quan giữa hai bờ eo biển. Nếu như, Đại lục và Đài Loan có thể ký kết Hiệp định bảo đảm đầu tư vào năm nay thì môi trường đầu tư sẽ càng được hoàn thiện hơn nữa.

2.3. Về hoạt động thương mại

Trước khi thực hiện chính sách “Tam thông”, quan hệ thương mại giữa hai bờ eo biển chỉ mang tính chất tự phát, nhỏ lẻ như đã có từ trước đó. Chủ yếu là các giao

dịch trên biển của ngư dân xuất hiện ở khu vực ven biển tại các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Triết Giang còn được gọi là “giao dịch nhỏ ven biển”. Quan hệ thương mại giữa Đại lục và Đài Loan chỉ thực sự khởi sắc khi hội đàm “Trần – Giang” (Trần Văn Lâm và Giang Bình Khôn) lần thứ hai được nhóm họp tại Đài Bắc vào tháng 11/2008. Tại cuộc hội đàm, hai bên đã ký được 3 hiệp định quan trọng chính thức đánh dấu về cơ bản thực hiện “Tam thông”, đó là: “Hiệp định vận tải hàng không”, “Hiệp định vận tải đường biển” và “Hiệp định bưu chính hai bờ eo biển Đài Loan”.

Không lâu sau đó, trong cuộc hội đàm “Trần - Giang” lần thứ năm được tổ chức tại Trùng Khánh vào ngày 29/06/2010, hai bên đã chính thức ký kết Hiệp định khung hợp tác kinh tế hai bờ (ECFA) và Hiệp định hợp tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hai bờ. Như vậy, chỉ trong vòng hai năm, hai bên đã ký kết được tổng cộng 15 Hiệp định. Có thể nói, việc ký kết Hiệp định ECFA, rất có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ hai bờ dần đi vào chiều hướng phát triển bình ổn. Điều này thể hiện trên các khía cạnh: *Thứ nhất*, tượng trưng cho mối quan hệ kinh tế hai bờ đã bước vào giai đoạn mới - giai đoạn hợp tác được chế độ hoá, điều này được xem là tạo cột mốc quan trọng cho tiến trình bình thường hóa quan hệ hai bờ. Trước khi tiến tới một hiệp định tự do thương mại (FTA), Đại lục và Đài Loan đã thống nhất đưa ra một Chương trình thu hoạch sớm trong khuôn khổ ECFA, bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư và cơ chế giải quyết tranh chấp. *Thứ hai*, hiệp định ECFA còn có ý nghĩa trong việc phát triển kinh tế, mở

rộng không gian phát triển cho Đà Loan (Đài Loan có thể tham gia vào mạng lưới mậu dịch tự do châu Á – Thái Bình Dương bằng việc ký kết FTA với các nước khác, tất nhiên phải được sự đồng thuận từ Trung Quốc).

Việc thực hiện chế độ hóa, cơ chế hóa các quan hệ kinh tế đã giúp cho tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai bờ năm 2010, đạt mức kỷ lục mới vượt 120 tỷ

đô la Mỹ, tăng 39,5% (xem bảng 3), trong đó Đài Loan xuất khẩu đạt 84 tỷ đô la Mỹ, tăng 36,6%; nhập khẩu là 35 tỷ USD, tăng 28,9%⁽⁷⁾. Ngành dịch vụ tài chính giữa hai bờ cũng giành được đột phá quan trọng, tháng 5/2010 sau khi Đài Loan mở cửa cho đầu tư của Trung Quốc vào các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, hàng loạt các ngân hàng Đại lục đã bắt đầu thiết lập văn phòng tại Đài Loan.

Bảng 3: MẬU DỊCH CỦA ĐÀI LOAN VỚI ĐẠI LỤC 10 NĂM ĐẦU THẾ KỶ 21

Đơn vị: tỷ USD

Năm	Tổng kim ngạch XNK	Tỉ lệ tăng trưởng	Xuất khẩu sang Đại lục	Nhập khẩu từ Đại lục	Cán cân thương mại
2001	31,51	-2,7	25,6	5,9	+19,7
2002	39,49	25,3	31,52	7,96	+23,56
2003	49,31	24,8	38,29	11,01	+27,28
2004	65,72	33,3	48,93	16,79	+2,13
2005	76,36	16,2	56,27	20,09	+36,17
2006	88,12	15,4	63,33	24,78	+38,54
2007	102,26	16,1	74,25	28,01	+46,23
2008	105,37	3,0	73,98	31,39	+42,58
2009	86,51	-17,8	62,09	24,42	+37,67
2010	120,78	39,5	84,83	35,95	+48,88

Nguồn: Tổng hợp từ cơ sở dữ liệu Cục Thống kê Bộ Kinh tế Đài Loan ,

3. Nhận xét

♦ Một vài vấn đề tồn tại trong quan hệ kinh tế giữa hai bờ eo biển Đài Loan

Về cơ bản, ECFA đem lại nhiều cơ hội phát triển kinh tế cho Đài Loan. Song, trên thực tế vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại. Thứ nhất, tuy rằng đại đa số các ngành sản xuất của Đài Loan sẽ được hưởng nhiều lợi ích, nhưng ngược lại, một bộ phận ngành sản xuất của Đài Loan như: điện cơ, điện tử, phương tiện vận tải, sản

phẩm chế biến từ gỗ sẽ gặp phải những bất lợi không nhỏ dưới ảnh hưởng của các mặt hàng được nhập khẩu từ Trung Quốc và trở thành “vật hy sinh” dưới tác động của ECFA. Thứ hai, sự gia tăng về xuất khẩu của Đài Loan vào thị trường Đại lục sẽ phần nào giúp Đài Loan tăng thị phần của mình, tiết giảm lượng xuất khẩu của Nhật Bản, Mỹ và các nước châu Âu ở Trung Quốc; nhưng ngược lại mặt trái của vấn đề ở chỗ sẽ dẫn đến hậu quả là: tăng mức độ phụ thuộc của Đài Loan vào thị trường Đại lục

ngày càng mạnh và như vậy những rủi ro về kinh tế của Đài Loan sẽ tăng với cấp độ tương ứng. Điều này được xem là mối lo ngại tiềm tàng lớn nhất sau khi ký kết hiệp định ECFA. Thứ ba, dân chúng Đài Loan vẫn chưa được hưởng lợi trực tiếp, luôn luôn lo ngại hợp tác ngày càng mật thiết giữa hai bờ sẽ khiến cho Đài Loan ngày càng phụ thuộc vào Trung Quốc Đại lục. Chính điều này, phần nào đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc ban hành các chính sách của chính quyền Đài Loan.

♦ *Triển vọng quan hệ kinh tế giữa Đại lục và Đài Loan*

Trong thập niên đầu thế kỷ 21, quan hệ kinh tế giữa hai bờ eo biển Đài Loan đã có những bước đột phá quan trọng. Chuyển từ chính sách “không vội vàng hãy kiên nhẫn” sang chính sách “tích cực mở cửa, quản lý hiệu quả”, có thể nói đây là nhân tố rất thuận lợi mở ra một kỷ nguyên mới – với một cơ chế hoạt động mới hữu hiệu trong quan hệ kinh tế giữa hai bờ eo biển Đài Loan. Việc ký kết Hiệp định ECFA, mở đường tiến tới sự tự do hóa thị trường sâu rộng hơn cả về hàng hóa và dịch vụ. Sau khi Hiệp định ECFA có hiệu lực, hai bên sẽ tiếp tục ký kết thêm các Hiệp định khác nhằm đẩy mạnh thương mại trực tiếp và chế độ hóa các quan hệ kinh tế trước đây vốn dựa chủ yếu vào quan hệ dân gian thông qua Hồng Kông.

Sự giao thương bình thường hóa trực tiếp giữa hai bờ ngày càng mật thiết và được cơ chế hóa, chế độ hóa bằng các hiệp định được ký kết giữa Trung Quốc và Đài Loan sẽ thúc đẩy hơn nữa sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng mạnh mẽ do kinh tế

hai bờ có tính hỗ trợ lẫn nhau rất cao, dẫn đến khả năng nhất thể hóa kinh tế giữa hai bờ eo biển Đài Loan trong một tương lai gần. Mặt khác, đứng trên góc độ an ninh khu vực, Hiệp định ECFA sẽ thúc đẩy sự ổn định chính trị giữa Trung Quốc và Đài Loan, giúp duy trì hòa bình chung của cả khu vực Đông Nam Á. Ngoài ra, thông qua ECFA, Đài Loan có thể hy vọng ký nhiều hiệp định thương mại tự do hơn với các nước và khu vực khác. Điều này rất có lợi cho sự hợp tác kinh tế trong khu vực, do vậy có thể nói Hiệp định ECFA không chỉ là một hiệp định kinh tế đơn thuần mà còn bao hàm một ý nghĩa rộng hơn - là một bước đi quan trọng của Đại lục trong công cuộc thống nhất đất nước./.

CHÚ THÍCH:

(1) T. Y. Wang, “Lifting the ‘No Haste, Be Patient’ Policy: Implications for Cross-Straits Relations”, Cambridge Review of International Affairs, Vol 15, Issue 1, 2002, Pages 131 - 139

(2) Thông báo của Bộ Kinh tế Đài Loan ngày 30/11/2001, <http://2k3dmz2.moea.gov.tw/gnweb/Indicator/wFrmIndicator.aspx#B>,

(3) Cục thống kê Bộ kinh tế Đài Loan
<http://2k3dmz2.moea.gov.tw/gnweb/Indicator/wFrmIndicator.aspx#E>,

(4) <http://vietnamese.rti.org.tw/Content/14/8/> 2010

(5) <http://vietnamese.rti.org.tw/Content/14/8/> 2010

(6) 范爱军 于静静, 两岸经贸发展存在的问题及改进措施, 中国论文下载中心

(7) Theo các số liệu thống kê của Cục Thống kê Bộ Kinh tế Đài Loan, <http://2k3dmz2.moea.gov.tw/gnweb/Indicator/>

